



| PHƯƠNG PHÁP        | STT | DỊCH VỤ                                       | GIÁ NIÊM YẾT     | GIÁ ƯU ĐÃI | KHÔNG GÂY MÊ     | GÂY MÊ           | GHI CHÚ                          |
|--------------------|-----|-----------------------------------------------|------------------|------------|------------------|------------------|----------------------------------|
| NỘI SOI THƯỜNG QUY | 1   | Khám chuyên khoa tiêu hóa                     | 250.000          | 125.000    | x                | x                | -50%                             |
|                    | 2   | Nội soi dạ dày + Test HP                      | 825.000          | 412.000    | x                | x                | -50%                             |
|                    | 3   | Gói gây mê dạ dày                             | 880.000          | 616.000    |                  | x                | -30%                             |
|                    | 4   | Xét nghiệm công thức máu                      | 60.000           | 60.000     | x                | x                |                                  |
|                    | 5   | Xét nghiệm HIV                                | 110.000          | 110.000    |                  | x                | Xét nghiệm bắt buộc để cắt Polyp |
|                    | 6   | Xét nghiệm đông máu cơ bản                    | 230.000          | 230.000    |                  | x                |                                  |
|                    | 7   | Định lượng Creatinin [Máu]                    | 70.000           | 50.000     |                  | x                |                                  |
|                    | 8   | Xét nghiệm Urê                                | 70.000           | 70.000     |                  | x                |                                  |
|                    | 9   | Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]                    | 70.000           | 70.000     |                  | x                |                                  |
|                    | 10  | Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]                    | 70.000           | 70.000     |                  | x                |                                  |
|                    | 11  | Điện tim                                      | 150.000          | Miễn phí   |                  | x                |                                  |
|                    | 12  | X-quang phổi thẳng                            | 150.000          | Miễn phí   |                  | x                |                                  |
|                    | 13  | Vật tư nội soi cho dạ dày, đại tràng (gây mê) | 150.000          | 50.000     |                  | x                |                                  |
| <b>Tổng</b>        |     |                                               | <b>3.085.000</b> |            | <b>597.000</b>   | <b>1.863.000</b> |                                  |
| NỘI SOI NBI 5K     | 1   | Khám chuyên khoa tiêu hóa                     | 250.000          | 125.000    | x                | x                | -50%                             |
|                    | 2   | Nội soi dạ dày NBI + Test HP                  | 1.705.000        | 852.000    | x                | x                | -50%                             |
|                    | 3   | Gói gây mê dạ dày                             | 880.000          | 616.000    |                  | x                | -30%                             |
|                    | 4   | Xét nghiệm công thức máu                      | 60.000           | 60.000     | x                | x                |                                  |
|                    | 5   | Xét nghiệm HIV                                | 110.000          | 110.000    |                  | x                | Xét nghiệm bắt buộc để cắt Polyp |
|                    | 6   | Xét nghiệm đông máu cơ bản                    | 230.000          | 230.000    |                  | x                |                                  |
|                    | 7   | Định lượng Creatinin [Máu]                    | 70.000           | 50.000     |                  | x                |                                  |
|                    | 8   | Xét nghiệm Urê                                | 70.000           | 70.000     |                  | x                |                                  |
|                    | 9   | Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]                    | 70.000           | 70.000     |                  | x                |                                  |
|                    | 10  | Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]                    | 70.000           | 70.000     |                  | x                |                                  |
|                    | 11  | Điện tim                                      | 150.000          | Miễn phí   |                  | x                |                                  |
|                    | 12  | X-quang phổi thẳng                            | 150.000          | Miễn phí   |                  | x                |                                  |
|                    | 13  | Vật tư nội soi cho dạ dày, đại tràng (gây mê) | 150.000          | 50.000     |                  | x                |                                  |
| <b>Tổng</b>        |     |                                               | <b>3.965.000</b> |            | <b>1.037.000</b> | <b>2.303.000</b> |                                  |

- Chi phí trên chưa bao gồm xét nghiệm trong trường hợp có dự định cắt polyp, chưa bao gồm các chẩn đoán cận lâm sàng phát sinh trong trường hợp có các bệnh lý khác, chưa bao gồm tiền giải phẫu bệnh nếu có tổn thương nghi ngờ.
- Trường hợp có bảo hiểm y tế đúng tuyến / thông tuyến, chi phí được giảm trừ theo quy định của bảo hiểm
- Trường hợp có bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, chi phí sẽ được bảo lãnh trực tiếp hoặc thanh toán theo hóa đơn tùy theo quy định của hãng bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm thực tế của khách hàng